

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG KẾ HOẠCH VĨ MÔ

NGUYỄN THƯỢNG MINH
(Đại học Kinh tế TP.HCM)



Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII nêu "sự nghiệp phát triển kinh tế đạt con người vào vị trí trung tâm, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội". Đây là cách đặt vấn đề rất đúng bởi vì thực tiễn các nước cho thấy, có nhiều nước đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao thể hiện qua GNP (tổng sản phẩm quốc gia) bình quân đầu người cao nhưng vẫn chưa giải quyết được hết những vấn đề công bằng xã hội. Ngược lại có những nước mấy chục năm qua luôn vươn tới công bằng và tiến bộ xã hội như là một khát vọng của lý tưởng và trong thực tế có lúc đã đạt được sự công bằng theo chiều ngang, trong khi đó thì mức sống xã hội nói chung ngày càng có khoảng cách xa đối với nhu cầu và ở vị trí rất thấp nếu so sánh giữa các nước với nhau. Như vậy rõ ràng là phải có sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội và vấn đề này phải được thể hiện trong kế hoạch vĩ mô của nhà nước.

Tăng trưởng kinh tế là một khái niệm để chỉ tỷ lệ, mức độ tăng GNP của một quốc gia hay GNP bình quân đầu người của quốc gia đó trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm. Tăng

trưởng kinh tế phụ thuộc vào việc sử dụng GNP. Nếu GNP được sử dụng để đầu tư với một tỷ lệ nhất định và đầu tư vào những ngành có lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế thì nó sẽ đem lại hiệu quả và sẽ tạo ra một lượng GNP mới - nền kinh tế trong điều kiện này đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Thế nhưng muốn nền kinh tế tăng trưởng 1% thì một số nước ở Tây Thái Bình Dương như Singapore, Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc, Ấn Độ, Bangla Desh phải đầu tư 3 đến 4% GNP, do đó muốn tốc độ tăng trưởng 10%/năm thì phải đầu tư 30 - 40% GNP/năm. Nếu nguồn vốn đầu tư này chủ yếu huy động từ trong nước, thì phải áp dụng chính sách thắt chặt chi tiêu, tiết kiệm cưỡng bách ở cả hai khu vực: khu vực hộ gia đình và khu vực chính quyền, làm cho mức sống của đại bộ phận những người ở hai khu vực này trước mắt bị hy sinh để phục vụ cho nhu cầu tăng trưởng kinh tế, mà bản thân nó, trước mắt lại có lợi cho những người có vốn và những người trực tiếp làm việc ở những nơi có đầu tư mới. Trong điều kiện như vậy tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội mâu thuẫn với nhau.

Trái lại nếu GNP được

sử dụng ưu tiên cho các vấn đề xã hội, trong đó có việc nâng lương ở khu vực chính quyền và khu vực sản xuất thì GNP dành cho đầu tư để tăng trưởng kinh tế bị giảm, và về lâu dài làm ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống kinh tế-xã hội của đất nước.

Những điều trình bày trên được diễn đạt bằng đẳng thức sau:

$$Y = C + I + G + X - N$$

Trong đó: Y: tổng sản phẩm quốc gia (GNP)

C: Chi tiêu khu vực hộ gia đình.

I: Đầu tư

G: Chi tiêu khu vực chính quyền

X: Xuất khẩu

N: Nhập khẩu

Trong đẳng thức này, I là tác nhân chủ yếu của sự tăng trưởng kinh tế và chi tiêu khu vực, C và G là tác nhân chủ yếu của công bằng và tiến bộ xã hội, mà kế hoạch nhà nước phải cân đối để tạo ra sự phát triển nhịp nhàng, tạo ra sự thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội.

Đại hội VII của Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra mục tiêu đến năm 2000 thì tổng sản phẩm quốc gia bình quân đầu người tăng gấp đôi so với năm 1990. Theo ước tính của Liên Hiệp Quốc, tổng sản phẩm

quốc gia bình quân đầu người của nước ta năm 1990 là 200 USD/người. Như vậy đến năm 2.000 bình quân đầu người sẽ là 400 USD/người.

Để bảo đảm mục tiêu này thì tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm là 10%, tương ứng là 30-40% GNP (3-4 tỉ USD) phải được ném vào đầu tư. Nguồn vốn này được huy động từ nước ngoài qua luật đầu tư, nhưng về mặt này đến nay kết quả còn khiêm nhường (từ ngày có luật đầu tư đến nay chỉ có khoảng 600 triệu USD được đầu tư thực sự, phần lớn là vốn pháp định ghi trên giấy). Do đó, nguồn đầu tư của ta chủ yếu là huy động từ vốn trong nước. Như vậy, việc đề ra tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 10% chỉ là ước mơ, bởi vì ở nước ta nhiều năm qua chưa bao giờ đạt được tốc độ phát triển này. Vào năm 1989, nước ta đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất là 7,1% GDP (tổng sản phẩm trong nước) do nguồn đầu tư huy động được chiếm 14% của GDP, nhưng đến năm 1990 và 1991 nguồn vốn huy động này đã bị giảm, còn khoảng 12% GDP, do vậy tốc độ tăng trưởng năm 1990 chỉ là 4,5% và năm 1991 khoảng 3,2%, trong khi nguồn vốn huy động trong nước chỉ

chiếm một tỷ lệ khiêm tốn như vậy mà đời sống của người lao động cũng không phải là khả quan lắm; lương của người làm trong khu vực nhà nước chỉ tạm đủ chi trong 10 ngày. Bây giờ nếu huy động nguồn vốn vào đầu tư gấp đôi năm 1989 thì đời sống của người lao động nhất là những người hưởng lương, còn phải chịu thất thoát hơn nữa. Đó là khía cạnh công bằng xã hội mà khi xây dựng kế hoạch phải xem xét cẩn thận.

Giải pháp thỏa đáng nhất là đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức độ vừa phải, bình quân khoảng 5% giai đoạn kế hoạch 1990-1995. Cuối giai đoạn này nền kinh tế sẽ tích lũy được số vốn nhất định cho phép chúng ta nâng tốc độ tăng trưởng lên ở thời kỳ tiếp theo 1995-2000. Ở giai đoạn kế hoạch 1990-1995, nếu tốc độ tăng trưởng là 5%, thì tương ứng là tỷ lệ vốn huy động từ GNP khoảng 15% và sử dụng tốt nguồn vốn này, chỉ đầu tư vào những ngành nào có hệ số $k \geq 0,33$, nghĩa là 100 đồng vốn bỏ ra, sẽ thu được ít nhất 33 đồng lợi nhuận.

$$K_s = \frac{\Delta Y}{I} \cdot \frac{5\%}{15\%} = 0,33$$

Đi đôi với cân đối giữa tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư, trong từng khu vực cũng phải cân đối lại:

Về kinh tế đối ngoại, trong năm 1991 ta thăm thung cân cân thương mại trên 100 triệu USD (xuất 1.800 tr. USD, nhập 1.900 tr. USD) thì cố gắng phân đấu quân bình cân cân thương mại hoặc có thặng dư chút ít bằng cách nếu không tăng được nguồn xuất thì kiểm soát chặt nguồn nhập, chỉ nhập những mặt hàng phục vụ trực tiếp cho sản xuất và cho những nhu cầu thiết yếu.

Đối với chi tiêu của khu vực hộ gia đình, cần phải hạn chế việc tiêu dùng hàng không thiết yếu, nhất là đối với hàng cao cấp, hàng xa xỉ nhập khẩu bằng điều tiết qua thuế, thậm chí bằng cả biện pháp hành chính, khi xét duyệt nhập các loại hàng này. Song song đó, bằng các công cụ tài chính Nhà nước nên khuyến khích khu vực này tiết kiệm để đầu tư vào sản xuất.

Đối với chi tiêu khu

vực chính quyền: Hiện nay chúng ta đang ở tình trạng thâm thủng ngân sách. Tổng thu của khu vực chính quyền năm 1990 khoảng 11,4% GDP, trong khi đó chi thường xuyên (trừ trả lãi) của khu vực này năm 1990 là 11,7% GDP. Biện pháp cân bằng ngân sách nhà nước là tăng thu chủ yếu từ thuế, nhất là đối với những người có thu nhập cao. Tình hình thu thuế của ta hiện nay còn thất thoát lớn, và tỷ lệ thu từ thuế khoảng 11-13% GDP cũng là rất thấp so với các nước trong vùng. Bên cạnh đó nhà nước cũng phải tiến hành giảm chi phí cho an ninh quốc phòng ở mức độ hợp lý, giảm nhẹ bộ máy nhà nước, trên cơ sở đó tiến hành nâng lương hợp lý cho những người trong bộ máy chính quyền được tuyển chọn lại. Tất cả các biện pháp này

nhằm cân bằng ngân sách, hoặc có thặng dư chút ít để đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế... như là biện pháp để phân phối lại thu nhập quốc dân thực hiện công bằng xã hội.

Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội mà Đại hội VII đặt ra chỉ được thực hiện khi trong kế hoạch vĩ mô nhà nước, thể hiện được tỷ lệ tương quan giữa các khu vực trong việc sử dụng GNP và cân đối trong nội bộ từng khu vực, theo dạng thức sau:

$$Y = C + I + G + X - N$$

$$100\% = 73\% + 15\% + 12\% + 0$$

Trong đó cân cân thương mại xuất, nhập khẩu được giả thiết cân bằng: nhập = xuất.

Theo dạng thức này thì tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta trong thời kỳ 1990-1995 bình quân sẽ là 5%. Đây

là tốc độ tăng trưởng có tính đến công bằng và tiến bộ xã hội và phù hợp với thực tế của những năm qua. Tất nhiên tốc độ tăng trưởng này còn có thể cao hơn nếu quan hệ giữa nước và các nước sớm được bình thường hóa, làm cho việc đầu tư từ nước ngoài vào nước ta thuận lợi hơn, và chúng ta sử dụng nguồn vốn này có hiệu quả hơn.

NTM

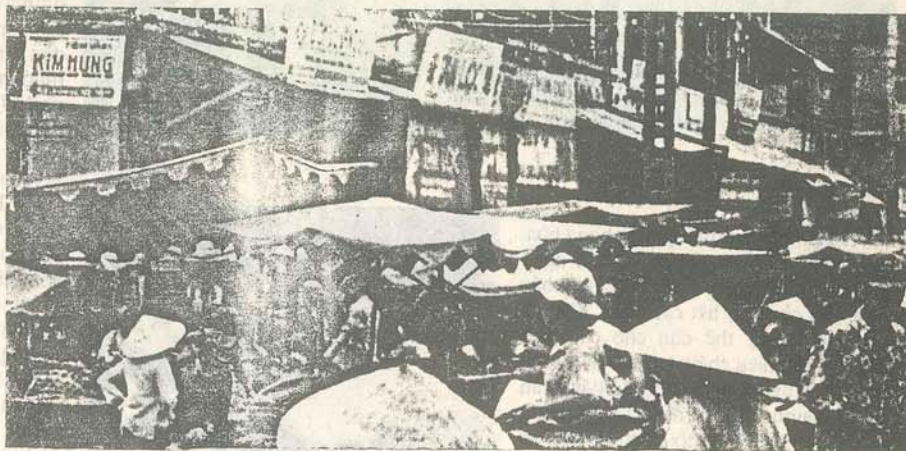
Tài liệu tham khảo

- Văn Kiện Đại Hội VII Đảng Cộng sản Việt Nam - Tập chí *Cộng sản* 7.91

- Paul A. Samuelson & William D. Nordhaus, *Kinh Tế Học*

- Lê Khoa, - *Hiện tình kinh tế Việt Nam. Những viễn ảnh phát triển* Nxb TP. HCM, 1992.

- Tài liệu của Ngân hàng thế giới 12.1991.



MỘT QUAN ĐIỂM TIẾP THỊ KHAI PHÓNG

Một quan điểm duy tiếp thị có tính chất khai phóng bắt nguồn từ chủ nghĩa tư bản thời ánh sáng. Cảnh đây hai thế kỷ, Adam Smith, trong tác phẩm *Wealth of Nations* (Sự Phú Thịnh của Các Quốc Gia), đã cố gắng trình bày rằng tước kinh doanh và tư hữu sẽ dẫn đến một nền kinh tế năng động và tiến bộ. Dân chúng theo đuổi tư lợi của họ, và nếu như được tự do để làm điều này, họ và xã hội đều sẽ có lợi. Các doanh nhân sẽ đặt tài lực của họ vào những lãnh vực có cơ hội hưởng lợi cao nhất. Lợi nhuận thường cao ở những nơi mà nhu cầu được thỏa mãn. Khi tài lực dồn vào, phí tổn hạ xuống thông qua sự cạnh tranh lành mạnh. Hệ thống sẽ mang đặc trưng là hiệu năng và tính linh hoạt. Nó sẽ được hướng dẫn bằng "bàn tay vô hình" của hệ thống giá cả, để sản sinh ra hàng hóa cần thiết mà không phải nhờ đến bộ máy và sự chỉ đạo của chính quyền.

Hệ thống này, dĩ nhiên, có thể bị lạm dụng. Các công ty nào đang cố gắng hủy diệt đối thủ, dựng lên các hàng rào cản nhập, và đạt được sự bảo vệ cũng như thiên vị của luật pháp, là cạnh tranh không công bằng. Quan điểm của chủ nghĩa tư bản ánh sáng đòi hỏi các doanh nhân thừa nhận rằng các lợi ích lâu dài của họ được phục vụ tốt nhất bằng hành vi tự lực và trung thực trong khuôn khổ luật tắc của hệ thống. Tiếp thị khai phóng chủ trương rằng việc tiếp thị của công ty cần hỗ trợ cho công năng trường kỳ hữu hảo nhất của hệ thống tiếp thị.

HUỖNH VĂN THANH dịch

(Trích *Principles of Marketing* của Philip Kotler NXB. Prentice-Hall, New Delhi 1988)